TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 29/12/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hồng
2. Ông Nguyễn Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Đình S, sinh năm 1975
Địa chỉ: Khu P, xã T, huyện Đ, tỉnh P
- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1986
Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh P.

Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Đình S trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào đầu năm 2018 anh có cho chị Hoàng Thị Th ở khu T, thị trấn Đ, huyện Đ vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Hai bên có viết giấy vay nợ và thoả thuận miệng lãi suất là 2%/tháng và không thoả thuận ngày trả.

Đến năm 2019, do gia đình có việc nên anh nhiều lần yêu cầu chị Th trả tiền, tuy nhiên chị Th không trả đủ mà chỉ trả cho anh số tiền là 20.000.000 đồng tiền gốc và nợ lại 80.000.000 đồng. Trong quá trình vay, chị Th có trả được cho anh 08 tháng tiền lãi là 16.000.000 đồng.

Đến ngày 10/7/2022 anh và chị Th đã tính toán số tiền chị Th còn nợ cả gốc và lãi là 118.000.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi

20 tháng là 38.000.000 đồng. Chị Th có viết cho anh 01 giấy vay nợ vào ngày 10/7/2022 (âm lịch) và hẹn đến ngày 20/11/2022 sẽ trả đủ cho anh số tiền trên. Đến hẹn trả nợ, anh đã đòi nhiều lần nhưng chị Th đều khất không trả. Đến ngày 02/12/2022, chị Th có trả cho anh 10.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến nay, chị Th còn nợ anh số tiền 108.000.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng tiền gốc và 28.000.000 đồng tiền lãi.

Đến nay, anh chỉ yêu cầu chị Th phải trả cho anh số tiền gốc còn nợ là 80.000.000 đồng. Đối với khoản tiền lãi anh không yêu cầu chị Th phải trả vì hoàn cảnh gia đình chị Th hiện nay khó khăn. Khoản tiền anh cho chị Th vay là tiền riêng của anh, không liên quan đến những người khác.

Tại bản tự khai nộp tại Tòa án, bị đơn là chị Hoàng Thị Th trình bày: Năm 2018, chị có vay của anh Trần Đình S ở khu P, xã T, huyện Đ số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay nợ, lãi suất thoả thuận miệng 2%/tháng và không hẹn ngày trả tiền, sau đó chị đã trả đủ cho anh S cả gốc và lãi đối với khoản vay trên.

Đến năm 2019, chị tiếp tục vay lại của anh S số tiền 60.000.000 đồng và có vay thêm 20.000.000 đồng, tổng là 80.000.000 đồng. Đến tháng 5/2020, chị đã trả cho anh S số tiền 20.000.000 đồng nhưng chưa nhận lại giấy vay tiền do chị đi mổ nên chưa viết lại giấy. Đến khi ra viện và đi làm, chị có vay lại của anh S số tiền 20.000.000 đồng, khi vay có viết lại giấy vay nợ mới và hủy giấy cũ. Theo giấy vay nợ mới thì tổng số tiền chị nợ anh S là 80.000.000 đồng. Đến tháng 12/2020, anh S có hỏi chị số tiền vay của anh trước đó và anh S có lên trên trường nơi chị làm việc để lấy số tiền 20.000.000 đồng và chị chưa ghi lại vào giấy vay nợ số tiền 20.000.000 đồng đã trả cho anh S.

Tháng 01/2021, chị có đến nhà anh S viết lại giấy vay nợ với số tiền là 80.000.000 đồng trước đó đã vay trừ đi 20.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng ghi trong giấy chị đã vay anh S.

Ngày 24/01/2021, chị nghỉ việc nên không thể trả tiền lãi của số tiền đã vay trên. Chị đã gọi điện cho anh S xin khất vì chị không còn thu nhập và không có khả năng trả nợ gốc và lãi như thời gian trước đó.

Ngày 10/7/2022, gia đình anh S đến nhà chị và yêu cầu chị phải viết giấy nhận nợ mới với số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi 20 tháng là 38.000.000 đồng và hẹn ngày 20/11/2022 phải trả số nợ đó. Do lúc đó chỉ có một mình chị và các con ở nhà, nếu không viết giấy thì gia đình anh S không về nên chị phải viết một giấy vay nợ mới với nội dung như trên.

Đến ngày 02/12/2022, chị có đến trả cho anh S số tiền 10.000.000 đồng và ghi vào giấy vay tiền mới mà gia đình anh S bắt viết trước đó.

Số tiền nợ và trả nợ chị viết vào giấy vay nợ gốc, nhưng do sơ suất chị không giữ bản nào. Giấy vay nợ mới anh S bắt chị viết lại không đúng với số tiền chị đã vay được của anh S. Toàn bộ số tiền chị đã trả cho anh S đều viết vào giấy vay nợ cũ và anh S cầm giấy. Số tiền lãi hàng tháng chị đã trả cho anh S đều đặn. Tuy nhiên, từ tháng 01/2021 đến nay do không có công ăn việc làm và phải nuôi con nhỏ nên chị chưa trả được tiền lãi cho anh S.

Chị xác định hiện nay chị còn nợ của anh S 50.000.000 đồng tiền gốc. Đến nay, anh S yêu cầu chị phải trả cho anh số tiền gốc là 80.000.000 đồng và

tiền lãi là 28.000.000 đồng chị không đồng ý vì số tiền đó là không chính xác. Số tiền lãi chị đề nghị anh S xem xét lại giúp chị do hiện tại chị chưa có khả năng chị trả số tiền trên. Chị xác định khoản tiền chị vay là vay riêng, không liên quan đến chồng chị.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định: Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Buộc chị Hoàng Thị Th phải trả cho anh Trần Đình S số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Th phải nộp 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là anh Trần Đình S cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh P khởi kiện yêu cầu trả tiền do vay nợ với bị đơn là chị Hoàng Thị Th cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự (tranh chấp hợp đồng vay tài sản) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Hoàng Thị Th đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2].Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về hợp đồng vay tài sản (vay tiền):

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do có mối quan hệ quen biết nhau, nên từ năm 2018 chị Th có vay của anh S nhiều lần tiền. Khi vay hai bên viết giấy biên nhận và thỏa thuận bằng miệng lãi suất vay là 2%/tháng. Sau đó do chị Th không trả được nợ nên ngày 18/7/2022 âm lịch tức ngày 15/8/2022 dương lịch, chị Th có viết giấy biên nhận, nợ anh S số tiền gốc là 80.000.000đ và 20 tháng tiền lãi, thành tiền lãi là 38.000.000đ và hẹn ngày 20/11/2022 trả. Đến ngày 02/12/2022 chị Th trả cho anh S 10.000.000đ. Giấy có ký nhận của chị Th và anh S. Như vậy hợp đồng vay tiền giữa chị Hoàng Thị Th với anh Trần Đình S là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi.

[2.2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết, anh S xác nhận ngày 02/12/2022 chị Th có trả 10.000.000đ, nhưng số tiền này được trừ vào số tiền lãi chị Th phải trả là 38.000.000đ. Số tiền nợ gốc vẫn còn là 80.000.000đ và tiền lãi còn lại là 28.000.000đ. Tuy nhiên đến nay anh S chỉ yêu cầu chị Th phải trả 80.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu trả lãi nữa.

Đối với bị đơn: Chị Th xác định số tiền 10.000.000đ trả ngày 02/12/2022 cho anh S được trừ vào tiền gốc, và số tiền gốc chị chỉ còn nợ anh S là

50.000.000đ. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Th nhiều lần, nhưng chị Th đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào xác định còn nợ anh S 60.000.000đ tiền gốc.

[2.3]. Đối với lãi suất vay:

Tuy anh S và chị Th đều thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng, nhưng thỏa thuận này vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay). Tuy nhiên nếu tính lại lãi suất vay đối với số tiền 80.000.000đ trong thời hạn 20 tháng thì số tiền lãi chị Th phải trả cho anh S sẽ là 26.720.000đ (80.000.000đ tiền gốc x 1,67%/tháng x 20 tháng). Như vậy số tiền chị Th đã trả cho anh S là 10.000.000đ sẽ phải được trừ vào tiền lãi trước, nếu còn lại mới được trừ vào tiền gốc. Do đó không chấp nhận việc chị Th tính số tiền 10.000.000đ để trừ vào tiền gốc.

Do chị Th không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh còn nợ anh S 50.000.000đ tiền gốc, nên việc anh S yêu cầu chị Th trả số tiền nợ gốc là 80.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận. Việc anh S không yêu cầu trả tiền lãi nữa là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên anh S không phải nộp án phí, chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc chị Hoàng Thị Th phải trả cho anh Trần Đình S số tiền còn nợ là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Hoàng Thị Th phải nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

- Trả lại cho anh Trần Đình S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2020/0004493 ngày 04/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Th và anh S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Vũ Thường